

Số: /2026/TT-TANDTC
(Dự thảo)

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định về phân cấp quản lý công chức, viên chức và người lao động trong Tòa án nhân dân

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 52/2019/QH14;

Căn cứ Quy định số 377-QĐ/TW ngày 10 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ;

Căn cứ Nghị quyết số 85/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc thành lập các Tòa phúc thẩm, cục, vụ trưởng và tương đương, cơ quan báo chí của Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư quy định về phân cấp quản lý công chức, viên chức và người lao động trong Tòa án nhân dân.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định nguyên tắc, nội dung, thẩm quyền của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao (Chánh Văn phòng, Cục trưởng, Vụ trưởng, Chánh Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao, Chánh tòa Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao); người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tòa án nhân dân tối cao tự đảm bảo chi thường xuyên (Tổng Biên tập Báo Công lý) hoặc tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Tổng Biên tập Tạp chí Tòa án nhân dân, Giám đốc Học viện Tòa án); Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi là Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh); Chánh án Tòa án nhân dân khu vực;

Chánh án Tòa án chuyên biệt tại Trung tâm tài chính quốc tế (sau đây gọi là Tòa án chuyên biệt) trong quản lý, sử dụng công chức, viên chức và người lao động tại đơn vị, Tòa án.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao
 - a) Văn phòng, Vụ, Cục, Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao;
 - b) Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao;
 - c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tòa án nhân dân tối cao gồm: đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp nhóm 2); đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp nhóm 3).
2. Tòa án nhân dân cấp tỉnh.
3. Tòa án nhân dân khu vực.
4. Tòa án chuyên biệt.
5. Công chức, viên chức, người lao động của các đơn vị nêu tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.
6. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện phân cấp quản lý công chức, viên chức và người lao động.
7. Thông tư này không áp dụng đối với Tòa án quân sự.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Bảo đảm tuân thủ đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác tổ chức cán bộ và phân cấp quản lý cán bộ.
2. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ đồng thời phát huy trách nhiệm cá nhân, người đứng đầu được phân cấp quản lý công chức, viên chức và người lao động, đảm bảo nâng cao hiệu quả quản lý tổ chức cán bộ và hoạt động của đơn vị.
3. Phân cấp thẩm quyền quản lý tổ chức cán bộ phù hợp với mức độ tự chủ tài chính và năng lực quản lý của các đơn vị sự nghiệp công lập;
4. Phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của cơ quan, đơn vị, cá nhân trong phân cấp quản lý công chức, viên chức và người lao động.

Điều 4. Nội dung phân cấp

1. Thẩm quyền và trách nhiệm quyết định biên chế công chức, viên chức, số lượng người làm việc; tuyển dụng, tiếp nhận công chức, viên chức; thực hiện hợp đồng lao động.
2. Đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá công chức, viên chức, người lao động.

3. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời hạn giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, biệt phái, tạm đình chỉ công tác, giao quyền, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với công chức, viên chức.

4. Khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động.

5. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác tổ chức cán bộ.

6. Xây dựng, quản lý hồ sơ, dữ liệu về công chức, viên chức và người lao động.

Chương II

THẨM QUYỀN VỀ BIÊN CHẾ VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 5. Thẩm quyền về biên chế công chức, số lượng người làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao quyết định số lượng biên chế công chức đối với đơn vị trực thuộc trong tổng số biên chế công chức của đơn vị được giao.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tòa án nhân dân tối cao quyết định số lượng người làm việc đối với đơn vị trực thuộc trong tổng số lượng người làm việc của đơn vị đã được giao.

3. Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng biên chế công chức đối với các tòa, phòng, văn phòng thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh và các Tòa án nhân dân khu vực trực thuộc trong tổng số biên chế công chức được giao.

4. Chánh án Tòa án chuyên biệt quyết định số lượng biên chế công chức đối với các đơn vị trực thuộc trong tổng số biên chế công chức được giao.

Điều 6. Thẩm quyền về tuyển dụng, tiếp nhận công chức, viên chức

1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tòa án nhân dân tối cao căn cứ vị trí việc làm, số lượng người làm việc được phê duyệt, thực hiện việc tuyển dụng viên chức theo quy định.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu tuyển dụng viên chức nhưng không tự mình thực hiện được việc tuyển dụng thì đề xuất Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Tổ chức - Cán bộ) tuyển dụng viên chức theo quy định.

2. Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh căn cứ vị trí việc làm, biên chế công chức được giao, quyết định tiếp nhận công chức đến công tác tại đơn vị (trừ công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, Thẩm phán Tòa án nhân dân) sau khi báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

3. Chánh án Tòa án chuyên biệt căn cứ vị trí việc làm, biên chế được giao, quyết định tiếp nhận công chức đến công tác tại đơn vị (trừ Thẩm phán và công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) sau khi báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 7. Thẩm quyền bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời hạn giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, biệt phái, tạm đình chỉ công tác, giao quyền, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm.

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao quyết định tạm đình chỉ công tác đối với lãnh đạo cấp Phó của đơn vị trở xuống.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp nhóm 2 quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời hạn giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, biệt phái, giao quyền, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với chức vụ lãnh đạo cấp Phòng và tương đương của đơn vị; quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cấp Phó của người đứng đầu trở xuống tại đơn vị.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp nhóm 3 quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời hạn giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, biệt phái, giao quyền, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với chức vụ lãnh đạo cấp Phòng và tương đương của đơn vị sau khi được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phê duyệt; quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cấp Phó của người đứng đầu trở xuống tại đơn vị.

4. Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời hạn giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, biệt phái, giao quyền, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với các chức vụ lãnh đạo tại các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh và lãnh đạo Văn phòng, Tòa chuyên trách Tòa án nhân dân khu vực; quyết định tạm đình chỉ công tác đối với công chức, người lao động Tòa án nhân dân cấp tỉnh (từ Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh trở xuống); quyết định điều động, luân chuyển, biệt phái Thẩm phán, Phó Chánh án Tòa án nhân dân khu vực trong nội bộ tỉnh, thành phố.

5. Chánh án Tòa án nhân dân khu vực quyết định tạm đình chỉ công tác đối công chức, người lao động Tòa án nhân dân khu vực (từ Phó Chánh án Tòa án nhân dân khu vực trở xuống).

Điều 8. Thẩm quyền về đào tạo, bồi dưỡng

1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp thuộc Tòa án nhân dân tối cao xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động của đơn vị; cử viên chức, người lao động của đơn vị đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, tin học, ngoại ngữ... tham dự các cuộc hội thảo, hội nghị, nghiên cứu khảo sát và học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao.

2. Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, Hội thẩm Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; cử công chức, Hội thẩm Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực đi đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, tin học, ngoại ngữ...

Căn cứ kinh phí đào tạo bồi dưỡng được cấp và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, tin học, ngoại ngữ... cho công chức, Hội thẩm Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Điều 9. Thẩm quyền ký, chấm dứt hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ

1. Chánh Văn phòng Tòa án nhân dân tối cao ký, chấm dứt hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ hoặc cá nhân người lao động để thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ tại Tòa án nhân dân tối cao trên cơ sở định biên hợp đồng lao động do Tòa án nhân dân tối cao quy định.

2. Chánh tòa Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao ký, chấm dứt hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ hoặc cá nhân người lao động để thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định tại đơn vị trên cơ sở định biên hợp đồng lao động được Tòa án nhân dân tối cao quy định.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tòa án nhân dân tối cao ký, chấm dứt hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ hoặc cá nhân người lao động để thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định tại đơn vị trên cơ sở định biên hợp đồng do Tòa án nhân dân tối cao quy định.

4. Chánh án Tòa nhân dân cấp tỉnh ký, chấm dứt hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ hoặc cá nhân người lao động để thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh trên cơ sở định biên hợp đồng lao động được Tòa án nhân dân tối cao quy định.

5. Chánh án Tòa nhân dân khu vực ký, chấm dứt hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ hoặc cá nhân người lao động để thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định tại Tòa án nhân dân khu vực trên cơ sở định biên hợp đồng lao động được Tòa án nhân dân tối cao quy định.

6. Chánh án Tòa án chuyên biệt quyết định ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ hoặc cá nhân người lao động để thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định tại đơn vị trên cơ sở định biên hợp đồng do Tòa án nhân dân tối cao quy định.

Điều 10. Thẩm quyền ký, chấm dứt hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp thuộc Tòa án nhân dân tối cao căn cứ vị trí việc làm, số lượng người làm việc đã được Tòa án nhân dân tối cao phê duyệt, quyết định ký, chấm dứt hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ tại đơn vị theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 11. Thẩm quyền cho thôi việc, chuyển công tác đối với công chức, viên chức

1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp nhóm 2 quyết định cho thôi việc, chuyển công tác đối với viên chức là Lãnh đạo cấp Phòng và tương đương, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của đơn vị.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp nhóm 3 quyết định cho thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động, chuyển công tác đối với viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại đơn vị sau khi được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phê duyệt.

3. Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định cho thôi việc, chuyển công tác ra ngoài ngành đối với công chức, người lao động Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực trực thuộc (trừ Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh).

Điều 12. Thẩm quyền xử lý kỷ luật

1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp nhóm 2 quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật và quyết định kỷ luật đối với Lãnh đạo cấp Phòng và tương đương trở xuống của đơn vị.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp nhóm 3 quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật và quyết định kỷ luật đối với viên chức, người lao động không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại đơn vị.

3. Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật và quyết định kỷ luật đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng trở xuống tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Quyết định kỷ luật đối với công chức, người lao động Tòa án nhân dân khu vực (trừ trường hợp kỷ luật bằng hình thức Cách chức đối với Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân khu vực).

4. Chánh án Tòa án chuyên biệt quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật và quyết định kỷ luật đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và người lao động Tòa án chuyên biệt.

Điều 13. Thẩm quyền chuyển đổi vị trí công tác, thay đổi vị trí việc làm, xếp ngạch công chức; chuyển đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức, bổ nhiệm kế toán trưởng, giao phụ trách kế toán.

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao quyết định chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong nội bộ đơn vị.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp nhóm 2 quyết định thay đổi vị trí việc làm, xếp vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức từ hạng I trở xuống (trừ người đứng đầu, cấp Phó của người đứng đầu đơn vị); quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng, phụ trách kế toán thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp nhóm 3 quyết định chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức, người lao động không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong nội bộ đơn vị; quyết định thay đổi vị trí việc làm và xếp vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức từ hạng III trở xuống (trừ người đứng đầu, cấp Phó của người đứng đầu đơn vị); quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng, phụ trách kế toán thuộc thẩm quyền quản lý sau khi được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phê duyệt.

4. Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định thay đổi vị trí việc làm tương đương đối với công chức từ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực (trừ chức danh Thẩm phán Tòa án nhân dân); quyết định thay đổi vị trí việc làm đối với công chức hành chính sang công chức giữ chức danh tư pháp; quyết định xếp vào vị trí việc làm cao hơn đối với công chức sau khi báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phê duyệt; quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng, phụ trách kế toán thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Chánh án Tòa án nhân dân khu vực quyết định chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong nội bộ đơn vị.

Điều 14. Thẩm quyền thực hiện chế độ chính sách

1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp nhóm 2 quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, cho hưởng phụ cấp đối với cấp Phó của người đứng đầu đơn vị trở xuống.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp nhóm 3 quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, cho hưởng phụ cấp đối với lãnh đạo cấp Phòng và tương đương trở xuống.

3. Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, cho hưởng phụ cấp đối với công chức, người lao động Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực (trừ việc nâng lương thường xuyên, nâng lương trước hạn đối với Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh).

4. Chánh án Tòa án chuyên biệt quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, cho hưởng phụ cấp đối với công chức, người lao động tại Tòa án chuyên biệt (trừ việc nâng lương thường xuyên, nâng lương trước hạn đối với Chánh án, Phó Chánh án Tòa án chuyên biệt).

Điều 15. Thẩm quyền thực hiện chế độ nghỉ phép hàng năm, nghỉ công tác không hưởng lương, nghỉ hưu và chế độ bảo hiểm xã hội.

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao quyết định cho nghỉ phép hàng năm đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo từ cấp phòng và tương đương trở xuống tại đơn vị.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tòa án nhân dân tối cao quyết định cho nghỉ phép hàng năm đối với cấp Phó của người đứng đầu đơn vị trở xuống; quyết định cho nghỉ công tác không hưởng lương, thông báo, quyết định nghỉ hưu và chế độ bảo hiểm xã hội khác đối với viên chức, người lao động của đơn vị (trừ người đứng đầu và cấp Phó của người đứng đầu).

3. Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định cho nghỉ phép hàng năm đối với công chức, người lao động Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân khu vực trực thuộc (từ Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh trở xuống); quyết định cho nghỉ công tác không hưởng lương, thông báo, quyết định nghỉ hưu và chế độ bảo hiểm xã hội khác đối với công chức, người lao động tại Tòa án nhân

dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân khu vực (trừ Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh).

4. Chánh án Tòa án chuyên biệt quyết định cho nghỉ phép hàng năm đối với công chức, người lao động tại Tòa án chuyên biệt; quyết định cho nghỉ công tác không hưởng lương, thông báo, quyết định nghỉ hưu và chế độ bảo hiểm xã hội khác đối với công chức, người lao động tại Tòa án chuyên biệt (trừ Chánh án, Phó Chánh án Tòa án chuyên biệt).

Điều 16. Thẩm quyền về khen thưởng, đánh giá, xếp loại công chức, viên chức, người lao động và giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Việc khen thưởng, đánh giá, xếp loại công chức, viên chức, người lao động trong Tòa án nhân dân được thực hiện theo Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định về thi đua khen thưởng và Quy định về đánh giá, xếp loại công chức, viên chức, người lao động trong Tòa án nhân dân.

2. Việc giải quyết khiếu nại tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo và Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Tòa án nhân dân.

Điều 17. Thẩm quyền quản lý hồ sơ công chức, viên chức

1. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ quản lý hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử của cán bộ, công chức, người lao động thuộc Tòa án nhân dân tối cao; người đứng đầu và cấp Phó của người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tòa án nhân dân tối cao quản lý hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử của viên chức, người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động thuộc đơn vị mình (trừ người đứng đầu và cấp Phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp).

3. Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quản lý hồ sơ giấy, hồ sơ điện tử của cán bộ, công chức, người lao động tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân khu vực (trừ hồ sơ của Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh).

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

1. Quyết định kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung được phân cấp; giải quyết khiếu nại, tố cáo; hủy bỏ hoặc yêu cầu thu hồi quyết định của Thủ trưởng các đơn vị về quản lý công chức, viên chức có nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật hoặc trái thẩm quyền đã được phân cấp.

2. Xem xét, xử lý đối với các trường hợp không thực hiện đúng thẩm quyền hoặc vi phạm các quy định về quản lý công tác tổ chức cán bộ của Đảng, Nhà nước, của Tòa án nhân dân tối cao và các quy định tại Thông tư này.

Điều 19. Trách nhiệm của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ

1. Tham mưu, giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quản lý thống nhất về công tác tổ chức cán bộ của các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân khu vực.
2. Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, phối hợp, tham gia thực hiện quy trình, kiểm tra các đơn vị, tòa án nhân dân các cấp trong công tác tổ chức cán bộ theo thẩm quyền được phân cấp tại Thông tư này.
3. Tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác tổ chức cán bộ; báo cáo, thống kê về đội ngũ công chức, viên chức của các đơn vị, tòa án nhân dân các cấp theo quy định và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 20. Trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị được phân cấp

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị sử dụng công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, các Nghị định hướng dẫn thi hành và các nhiệm vụ được phân cấp theo quy định.
2. Quyết định các nội dung quản lý công tác tổ chức cán bộ của đơn vị được phân cấp tại Thông tư này theo đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về kết quả thực hiện.
3. Thực hiện chế độ báo cáo về nội dung được phân cấp để theo dõi, quản lý theo quy định.

Điều 21. Thu hồi hoặc tạm dừng thực hiện thẩm quyền đã phân cấp

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định thu hồi nội dung đã phân cấp hoặc yêu cầu tạm dừng việc thực hiện thẩm quyền đã phân cấp cho Thủ trưởng các đơn vị trong các trường hợp sau:

1. Vi phạm các quy định của Đảng, Nhà nước và của Tòa án nhân dân tối cao về công tác quản lý tổ chức, cán bộ đến mức không thể tiếp tục phân cấp.
2. Đơn vị xảy ra tình trạng mất đoàn kết nội bộ, không đảm bảo yêu cầu để phân cấp.
3. Các trường hợp khác do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định.

Điều 22. Xử lý trong trường hợp vi phạm

1. Trường hợp phát hiện thẩm quyền phân cấp có vi phạm theo quy định của Đảng, của pháp luật, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định:
 - a) Hủy bỏ, thu hồi hoặc đình chỉ hiệu lực các quyết định, văn bản đã ban hành trái quy định.
 - b) Thu hồi hoặc tạm dừng thẩm quyền phân cấp, đồng thời xem xét xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan theo quy định pháp luật hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

2. Việc xử lý vi phạm phải đảm bảo khách quan, công khai, kịp thời, đúng thẩm quyền và không làm ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị và quản lý chung của Tòa án nhân dân.

Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các nội dung công tác cán bộ đã thực hiện quy trình trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa ban hành quyết định thì tiếp tục thực hiện quy trình và trình cấp có thẩm quyền quy định tại Thông tư này ban hành quyết định.

2. Trường hợp các quy định của pháp luật có liên quan trong công tác tổ chức cán bộ sửa đổi, thay thế nhưng không có quy định khác về thẩm quyền quyết định các nội dung công tác tổ chức cán bộ thì các đơn vị tiếp tục thực hiện thẩm quyền quy định tại Thông tư này đến khi có quy định mới.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương (để báo cáo);
- Các Phó Chánh án TANDTC;
- Thủ trưởng các đơn vị thuộc TANDTC;
- Chánh án TAND tỉnh, thành phố, TAND khu vực, TA chuyên biệt tại Trung tâm tài chính quốc tế;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu: VT, TCCB.

CHÁNH ÁN

Nguyễn Văn Quảng